

Số: 2032 /HĐĐG

Đồng Nai, ngày 20 tháng 5 năm 2020

HƯỚNG DẪN

Lập hồ sơ chứng minh thực hiện các tiêu chí tham gia Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tỉnh Đồng Nai đối với sản phẩm hàng hóa

Căn cứ Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 9/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình mỗi xã Một sản phẩm giai đoạn 2018-2020;

Căn cứ Quyết định số 1048/QĐ-TTg ngày 21/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm;

Căn cứ Quyết định số 1698/QĐ-UBND ngày 05/6/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai về phê duyệt Đề án Chương trình quốc gia mỗi xã một sản phẩm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, giai đoạn 2019-2025, định hướng đến năm 2035.

Hội đồng đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình quốc gia mỗi xã một sản phẩm tỉnh Đồng Nai ban hành văn bản “Hướng dẫn lập hồ sơ chứng minh thực hiện các tiêu chí tham gia Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tỉnh Đồng Nai” như sau:

Phần A:

SẢN PHẨM VÀ SỨC MẠNH CỘNG ĐỒNG

1. TỔ CHỨC SẢN XUẤT

1.1. Nguồn nguyên liệu

- Kê khai chi tiết nội dung tỷ lệ sử dụng nguyên liệu có nguồn gốc trong tỉnh Đồng Nai tại Khoản 5 Phần B Biểu số 01 của Phiếu đăng ký sản phẩm mới hoặc tại Khoản 15, Phần C, Biểu số 2 của Phiếu đăng ký sản phẩm ban hành kèm theo Quyết định số 1048/QĐ-TTg ngày 21/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ (cụ thể bao nhiêu % - đơn vị tự kê khai và cam kết chịu trách nhiệm);

- Hợp đồng kinh doanh, mua bán nông sản (mẫu tham khảo đính kèm);

- Cung cấp các Hóa đơn, phiếu nhập kho... (nếu có).

1.2. Gia tăng giá trị

Cung cấp các thông tin, tài liệu có liên quan đến quy trình sản xuất, ứng dụng trong sản xuất nông nghiệp, sơ chế, bảo quản: Chứng nhận ứng dụng công nghệ tiên tiến, hình ảnh, Video Clip...

1.3. Năng lực sản xuất đáp ứng nhu cầu phân phối

- Cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan chứng minh về khả năng sản xuất đáp ứng nhu cầu về số lượng, quy mô của thị trường;
- Căn cứ năng lực, quy mô sản xuất hiện tại tính tỷ lệ cung cấp ra thị trường.

1.4. Liên kết sản xuất

Hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

1.5. Bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất

- Trường hợp 1: Đối với dự án thuộc đối tượng phải lập thủ tục môi trường theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường; Chủ dự án phải cung cấp các hồ sơ sau:

+ Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, giấy xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc các hồ sơ tương đương;

+ Giấy xác nhận hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án (thuộc trường hợp quy định tại cột 4, Phụ lục II, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP của Chính phủ);

+ Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ (01 lần/năm, tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12) theo quy định tại Điều 37 Thông tư 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; mẫu báo cáo thực hiện theo Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư 25/2019/TT-BTNMT;

+ Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước theo quy định tại Điều 37 Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13, trừ các trường hợp theo Điều 16, Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

+ Văn bản ý kiến đối với việc thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động sản xuất của cơ sở tham gia Chương trình mỗi xã một sản phẩm của UBND cấp Huyện hoặc Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp Huyện.

- Trường hợp 2: Đối với dự án không thuộc đối tượng phải lập thủ tục môi trường theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP của Chính phủ, đề nghị các chủ dự án cung cấp các hồ sơ sau:

+ Phương án bảo vệ môi trường của dự án trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh, trong phương án bảo vệ môi trường phải nêu được những nội dung sau:

Về công tác thu gom và xử lý nước thải: Nhu cầu sử dụng nước/ngày (m^3), lượng nước thải phát sinh trung bình/ngày (m^3), công trình thu gom và xử lý nước thải, giám sát chất lượng nước thải sau xử lý, nguồn tiếp nhận nước thải và công tác quản lý nước thải sau xử lý;

Về công tác thu gom và xử lý khí thải: Nhu cầu sử dụng nhiên liệu đốt, các nguồn phát sinh khí thải, công trình thu gom và xử lý khí thải, giám sát chất lượng khí thải sau xử lý;

Về quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại: Bố trí khu vực lưu giữ tạm thời chất thải, khối lượng chất thải thông thường, chất thải nguy hại phát sinh/năm (kg), khối lượng chất thải chuyển giao xử lý, báo cáo tình hình phát sinh và quản lý chất thải.

+ Hợp đồng chuyển giao chất thải với đơn vị có chức năng;

+ Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ (01 lần/năm, tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12) theo quy định tại Điều 37 Thông tư 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; mẫu báo cáo thực hiện theo Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư 25/2019/TT-BTNMT;

+ Văn bản ý kiến đối với việc thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động sản xuất của cơ sở (chủ thể) tham gia Chương trình mỗi xã một sản phẩm của UBND cấp Huyện hoặc Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp Huyện”.

1.6. Sử dụng năng lượng, công nghệ thân thiện bền vững trong sản xuất

Hợp đồng mua thiết bị công nghệ, hình ảnh, Video Clip về thiết bị công nghệ...

2. PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM

2.1. Nguồn gốc ý tưởng sản phẩm

Nêu tóm tắt và chứng minh nguồn gốc ý tưởng sản phẩm tại Mục 8 và 9, Phần B, Biểu số 2 trong Phiếu đăng ký sản phẩm đã có, theo Quyết định 1048/QĐ-TTg, ngày 21/8/2019 của Thủ tướng chính phủ.

2.2. Tính hoàn thiện bao bì

Bao bì sản phẩm thể hiện các thông tin ghi nhãn đầy đủ, truy xuất nguồn gốc, chứng nhận bảo hộ nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp theo quy định, cụ thể như sau:

- Ghi nhãn hàng hóa: Nhãn hàng hóa trên bao bì phải đảm bảo trung thực, rõ ràng, chính xác, phản ánh đúng bản chất của hàng hóa theo Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về ghi nhãn hàng hóa;

- Chứng nhận sở hữu trí tuệ do Cục Sở hữu trí tuệ cấp: Giấy chứng nhận bảo hộ các quyền sở hữu trí tuệ (còn hiệu lực) hoặc Thông báo chấp nhận đơn hợp lệ do Cục Sở hữu trí tuệ cấp;

- Mã số mã vạch:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng mã số do Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng cấp;

+ Hồ sơ nộp phí duy trì quyền sử dụng mã số hàng năm (giấy chuyển tiền/biên lai đóng tiền);

HIỆP
TRỊ
THÓ
NG

- Tem truy xuất nguồn gốc: Tem truy xuất nguồn gốc trên bao bì hoặc sản phẩm (có thể truy xuất được thông tin).

2.3. Phong cách, hình thức của bao bì

Phong cách, hình thức bao bì sản phẩm phải hoàn thiện, thể hiện tính: thuận tiện, đẹp, sang trọng, dễ nhận diện, phân biệt với sản phẩm khác và có yếu tố bảo vệ môi trường.

3. SỨC MẠNH CỘNG ĐỒNG

3.1. Loại hình tổ chức sản xuất - kinh doanh

- Giấy chứng nhận đăng ký sản xuất kinh doanh do cơ quan thẩm quyền cấp (photo công chứng).

3.2. Sự tham gia của cộng đồng trong quản lý, điều hành

Quyết định bổ nhiệm của Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên (đối với các chủ thể là Công ty TNHH 2 thành viên trở lên, Công ty cổ phần, Hợp tác xã, Tổ hợp tác)

3.3. Sử dụng lao động địa phương

- Danh sách người lao động có xác nhận của chủ thể (mẫu đính kèm);
- Bảng thanh toán tiền lương cho người lao động (không quá 3 tháng kể từ ngày họp Hội đồng đánh giá, phân hạng sản phẩm).

3.4. Tăng trưởng sản xuất kinh doanh

Mẫu biểu theo quy định tài chính báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc báo cáo thu nhập trong 2 năm liền kề.

3.5. Kế toán

- Trường hợp 1: Đối với các chủ thể có kế toán cần cung cấp: Hợp đồng lao động thực hiện công tác kế toán kèm theo bằng cấp có liên quan đến hoạt động kế toán.

- Trường hợp 2: Đối với các chủ thể có tổ chức hệ thống kế toán cần cung cấp: Quyết định bổ nhiệm Kế toán trưởng, hợp đồng lao động thực hiện công tác kế toán ít nhất là 2 người kèm theo bằng cấp có liên quan đến hoạt động kế toán.

Phần B:

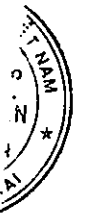
KHẢ NĂNG TIẾP THỊ

4. TIẾP THỊ

4.1. Khu vực phân phối chính

Chủ thể cung cấp các hợp đồng mua bán hàng hóa hoặc hợp đồng đại lý phân phối sản phẩm. Kèm theo một trong các nội dung sau:

- Bản sao hóa đơn bán hàng của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất cho đại diện hoặc đại lý phân phối;



- Hóa đơn bán hàng của đại diện hoặc đại lý phân phối sản phẩm;
- Bảng kê danh mục hàng hóa đã bán trong 6 tháng gần nhất của đại diện hoặc đại lý phân phối sản phẩm.

4.2. Tổ chức phân phối

- Đối với chủ thể có người chịu trách nhiệm quản lý phân phối sản phẩm: Hợp đồng lao động giao trách nhiệm quản lý phân phối sản phẩm;
- Đối với chủ thể có bộ phận/phòng phân phối sản phẩm: Quyết định giao trách nhiệm cho phòng quản lý kinh doanh hoặc bộ phận phân phối sản phẩm (từ 3 người trở lên);
- Đối với chủ thể có áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý, cần cung cấp thêm tài liệu minh chứng về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý như: Hợp đồng mua hoặc thuê phần mềm, hình ảnh, Video Clip...

4.3. Quảng bá sản phẩm

- Hình ảnh tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại trong tỉnh, ngoài tỉnh và quốc tế;
- Thông tin địa chỉ Website, hộp thư điện tử, trang bán hàng trực tuyến,....

5. CÂU CHUYỆN SẢN PHẨM

Viết câu chuyện với đầy đủ nội dung về sản phẩm. Đưa tính đặc trưng bản sắc của địa phương vào trong câu chuyện. Tư liệu hóa câu chuyện sản phẩm trên nhãn mác, tờ rơi, trên Website.... Cụ thể:

- Câu chuyện sản phẩm có cốt chuyện cụ thể, liên quan trực tiếp đến sản phẩm, thể hiện được một hoặc nhiều nội dung như: quy trình sản xuất, quá trình hình thành, nguồn nguyên vật liệu, địa phương nơi xuất xứ, công dụng, mục đích với ý nghĩa nhân văn của người tạo ra sản phẩm;
- Tư liệu hóa câu chuyện sản phẩm dưới dạng hình ảnh, phim quảng cáo, phải rõ ràng thực tế, có chất lượng độ phân giir hiển thị cao, có phân công nhân sự phụ trách theo dõi cập nhật thông tin trực tuyến (qua mạng internet thông qua website, trang mạng xã hội, các ứng dụng công nghệ phổ biến) một cách thường xuyên;
- Cấu trúc câu chuyện thể hiện rõ ràng và kết cấu 3 phần mở bài, thân bài và kết luận hoặc có nội dung phù hợp với tiêu chí về sự dễ hiểu, gần gũi, thực tế, thể hiện được giá trị cốt lõi, tính khác biệt với sản phẩm cùng loại để thu hút thị trường mục tiêu, thể hiện được bản sắc riêng, góp phần tôn vinh giá trị hình ảnh địa phương.

Phần C:

CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

6. CHI TIÊU CẢM QUAN

Sản phẩm mẫu: gửi ít nhất 05 sản phẩm để Hội đồng đánh giá, chấm điểm các nội dung như chất lượng, kích thước, hình dạng, thể chất, quy cách đóng gói, dạng



sản phẩm, màu sắc, độ chín, mùi, vị, tính đầy đủ, sạch, kết cấu sắp đặt, mức độ tinh xảo/sắc nét, tính năng, tính thực tiễn, tính thẩm mỹ, tính kỹ thuật, thiết kế sản phẩm,...

7. DINH DƯỠNG

Chỉ áp dụng đối với một số sản phẩm thuộc nhóm thực phẩm tươi sống và nhóm thực phẩm thô sơ chế, cụ thể như sau:

- Đối với nhóm thực phẩm tươi sống như rau, củ quả, hạt tươi: Phiếu kết quả kiểm tra hàm lượng các chỉ tiêu như: Protit, Lipid, Vitamin, ...do cơ quan, đơn vị có chức năng kiểm nghiệm được chỉ định cấp;

- Đối với nhóm thực phẩm thô sơ chế như mật ong, các sản phẩm từ mật ong, mật khác: Phiếu kết quả kiểm tra hàm lượng các chỉ tiêu như: Vitamin B2, B3, B5, B6, B9; đường khử tự do, ...do cơ quan, đơn vị có chức năng kiểm nghiệm được chỉ định cấp;

- Đối với nhóm thực phẩm thô sơ chế như gạo ngũ cốc: Phiếu kết quả kiểm tra hàm lượng các chỉ tiêu như: Amylose, Cacbohydrat, năng lượng, Lipid ... do cơ quan, đơn vị có chức năng kiểm nghiệm được chỉ định cấp.

8. HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VÀ TÍNH AN TOÀN

- Chỉ áp dụng đối với một số sản phẩm thuộc lĩnh vực:

+ Y tế: nhóm thực phẩm chức năng, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; nhóm mỹ phẩm; nhóm trang thiết bị, dụng cụ y tế; nhóm thảo dược khác;

+ Ngành vải, may mặc: có liên quan đến hàm lượng formaldehyt và các amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo trong sản phẩm dệt may;

Các chủ thể cung cấp các tài liệu chính thống hoặc kết quả nghiên cứu, minh chứng của người sử dụng và các hồ sơ nghiên cứu, thử nghiệm sản phẩm, ...

9. TÍNH ĐỘC ĐÁO

Giải trình rõ sự độc đáo khác biệt, không lẫn với sản phẩm khác, tiềm năng trở thành đặc sản, thương hiệu của địa phương, làm tăng thêm giá trị sản phẩm,... tại Mục số 10, Phần B, Biểu số 2. Hoặc lồng ghép đưa vào trong nội dung câu chuyện về sản phẩm.

10. CÔNG BỐ SẢN PHẨM

10.1. Hồ sơ công bố tiêu chuẩn sản phẩm

- Hồ sơ tự công bố chất lượng hoặc hồ sơ công bố chất lượng sản phẩm thực hiện theo quy định tại các Nghị định, Thông tư dưới đây và phải được đăng tải tên tổ chức, cá nhân, tên các sản phẩm tự công bố trên trang thông tin điện tử của cơ quan tiếp nhận. Cụ thể:

+ Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

+ Thông tư số 06/2011/TT-BYT ngày 25/01/2011 của Bộ Y tế về quản lý mỹ phẩm.

1.C.A
SỞ
NGH
HÁT
NG T
1.06

- Bản thông tin chi tiết về tiêu chuẩn sản phẩm.

10.2. Kiểm tra định kỳ các chỉ tiêu về an toàn thực phẩm (ATTP)

Phiếu kết quả kiểm tra định kỳ 01 năm/lần các chỉ tiêu an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn công bố (vi sinh, kim loại nặng, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, dư lượng thuốc kháng sinh, dư lượng các chất phụ gia, độc tố nấm,...) tại các phòng kiểm nghiệm được chỉ định hoặc phòng kiểm nghiệm được công nhận phù hợp tiêu chuẩn ISO hiện hành (ISO 17025) để kiểm nghiệm các chỉ tiêu an toàn theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn tương ứng.

11. ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

11.1. Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP

Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP còn hiệu lực theo quy định hiện hành hoặc các giấy chứng nhận quản lý chất lượng tiên tiến còn hiệu lực: VietGAP/GlobalGAP/ hữu cơ/ HACCP/ ISO 22000/FSSC/BRC/IFS,... (photo công chứng)

11.2. Đối với sản phẩm rượu, photo công chứng một trong các giấy phép sau:

- Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp;
- Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh;
- Bản đăng ký sản xuất rượu độ cồn dưới 5,5 độ.

11.3. Đối với sản phẩm mỹ phẩm, photo công chứng một trong các giấy phép sau:

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm;
- Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm.

11.4. Đối với các sản phẩm vải, may mặc

Trước khi đưa ra thị trường phải thực hiện công bố hợp quy theo Quy định tại Quy chuẩn Việt Nam (QCVN 01 : 2017/BCT) quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

11.5. Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP cho xuất khẩu và thủ tục pháp lý khác theo yêu cầu của thị trường đích (nếu có, photo công chứng);

11.6. Kế hoạch kiểm soát chất lượng sản phẩm;

11.7. Ghi chép hồ sơ lô sản xuất.

11.8. Bản cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm

Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc diện không cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

12. CƠ HỘI THỊ TRƯỜNG TOÀN CẦU

- Cung cấp các thông tin, tư liệu chứng minh năng lực sản xuất kinh doanh;
- Các chứng nhận đạt tiêu chuẩn cao có thể xuất khẩu.

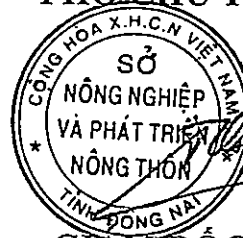
VIỆT
RIỆT
HỘI
VIỆT

Trên đây là hướng dẫn lập hồ sơ chứng minh thực hiện các tiêu chí tham gia Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tỉnh Đồng Nai đối với sản phẩm hàng hóa.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (Báo cáo);
- Các thành viên Hội đồng đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP cấp tỉnh;
- Các sở, ngành liên quan;
- Thành viên Tổ tư vấn giúp việc Hội đồng cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, CC.PTNT&QLCL (Hoàng). 02

**KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**



**GIÁM ĐỐC SỞ NN&PTNT
Huỳnh Thành Vinh**

